

Bản án số: 228/2022/HS-ST

Ngày: 24-5-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Minh Tân

2. Bà Hồ Thị Quyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2022/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1713/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn H, Giới tính: Nam; Sinh năm 1980 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Tấn H1 và con bà Trương Thị H2; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2019 (có mặt tại phiên tòa).

2. Bùi Thị D, Giới tính: Nữ; Sinh năm 1973 tại Bến Tre; Nơi đăng ký HKTT: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: phục vụ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Bùi Văn M (chết) và con bà Nguyễn Thị R (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có chồng, chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2019 (có mặt tại phiên tòa).

3. Bùi Thanh T, Giới tính: Nam; Sinh năm 1989 tại: Bến Tre; Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; con ông Bùi Văn H3 (chết) và con bà

Nguyễn Thị S; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 09/9/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Hủy hoại tài sản”, đến ngày 25/01/2009 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; ngày 27/8/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 28/8/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, ngày 25/9/2015 bị cáo thi hành xong phần trách nhiệm dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2019 (có mặt tại phiên tòa).

4. Trần Viết C, Giới tính: Nam; Sinh năm 1981 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: tổ H, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Ngọc L (chết) và con bà Đặng Thị H4; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 24/11/2011, bị cáo bị Công an huyện Hóc Môn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thương mại văn hóa với mức phạt là 3.900.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2019 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa:*

1. Luật sư Nguyễn Trung C1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, làm việc tại Công ty L1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn H5 và bị cáo Bùi Thị D (có mặt tại phiên tòa).

2. Luật sư Trần Thị Huy C2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, làm việc tại Công ty L2 và cộng sự bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh T và bị cáo Bùi Viết C3 (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

Bà Nguyễn Thị Ǻ, sinh năm 1983; trú tại: xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Văn Thanh Đ, sinh năm 1990; trú tại: khu V, Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, chỗ ở: ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Quang D1, sinh năm 1983; trú tại: xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam, nhưng ông D1 đã chết ngày 14/12/2019 nên người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Ǻ (vợ ông D1), sinh năm 1983; trú tại: xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961; trú tại: xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1988; trú tại: xóm A, xã N, huyện K, tỉnh

Hà Nam (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội Facebook, anh Nguyễn Quang D1 quen biết với Nguyễn Tấn H được H cho biết có quen với người chuyên cho vay tiền để đánh bạc tại C ở V Campuchia, nếu anh D1 sang Vương quốc Campuchia đánh bạc thì H sẽ giúp anh D1 vay tiền, anh D1 đồng ý.

Ngày 14/8/2019, anh D1 đi từ tỉnh Hà Nam đến cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh, đến ngày 16/8/2019 anh D1 liên lạc với H thì H đã liên lạc với Bùi Thị D thông báo về việc anh D1 muốn sang Vương quốc Campuchia đánh bạc, H bảo D liên hệ với Trần Viết C, dặn C và D đón anh D1 tại cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh để đưa anh D1 sang V Campuchia. Tiếp đó, H gọi điện thoại cho Bùi Thanh T kêu T lên C (tại Thành phố P, V Campuchia) với mục đích sau khi anh D1 đánh bạc thua hết tiền sẽ đưa anh D1 về khách sạn, giữ anh D1 lại để đòi tiền chuộc của người nhà anh D1.

Sau đó, D và C gặp anh D1 tại Cửa khẩu M rồi cả hai đã đưa anh D1 đến Casino N gặp Huỳnh Thị B để vay tiền đánh bạc. Khi cho vay, các đối tượng thống nhất cho anh D1 vay 500 phính (đơn vị tiền tệ sử dụng trong sòng bài, mỗi phính tương đương với 1 USD) nhưng lại nói với anh D1 là 500 phính tương đương với 500.000.000 đồng. Khi anh D1 đang đánh bạc tại sòng bài thì Lý Hào H7 (tên gọi khác là T2, là chồng của B) đã gọi điện cho chị Nguyễn Thị Á (là vợ của anh D1) thông báo về việc anh D1 vay số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) để đánh bạc tại Vương quốc Campuchia và đã thua hết, hiện nay anh D1 đang bị các đối tượng giữ trong trại ở V Campuchia. Lúc này, D và B xảy ra mâu thuẫn cãi vã, B lấy lại của anh D1 500 phính nên anh D1 không còn tiền để đánh bạc. Thấy vậy, H đã mua 500 phính tại sòng bạc, đưa cho T và bảo T đưa cho anh D1 để anh D1 đánh bạc, còn H đuổi theo B để nói chuyện nhưng B đã đi về. Sau khi anh D1 đánh bạc thua hết 500 phính, H, D, T đưa anh D1 về khách sạn ở V Campuchia để giữ anh D1. Về phía C đã có mặt tại khách sạn từ trước đó.

Tại khách sạn, D bảo T lấy điện thoại của D để liên lạc với chị Nguyễn Thị Á (vợ anh D1), chị Nguyễn Thị H6 (em gái anh D1) và bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột của anh D1) để yêu cầu chuyển số tiền 600.000.000 đồng thì mới thả anh D1, nếu không thì sẽ đánh đập anh D1 và bán sang Thái Lan lấy nội tạng. Ngoài ra, D cùng T, C, H dùng bông, gạc, thuốc đỏ, son, bút chì kẻ lông mày tạo vết thương giả trên mặt, trên người anh D1 rồi dùng điện thoại của anh D1 chụp ảnh và dùng nick Zalo của anh D1 gửi hình ảnh này cho chị Á.

Ngày 18/8/2019, chị Á có đơn trình báo Phòng C4 Công an tỉnh Hà Nam. Do lo sợ nếu không chuyển tiền cho nhóm của T, D, H, C thì anh D1 sẽ tiếp tục bị đánh đập, ngày 20/8/2019, chị Á đã bảo chị H6 cho vay 50.000.000 đồng và đưa số tiền này cho anh Nguyễn Quang D2 (là anh họ của anh D1) để chuyển tiền.

Sau đó, theo sự hướng dẫn của T, anh D2 mang tiền ra Phòng G của Ngân hàng A chi nhánh Thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam và chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 060093881438 mang tên Văn Thanh Đ mở tại ngân hàng S1.

Sau khi tiền vào tài khoản, Đ lấy phí chuyển tiền là 1.200.000 đồng và chuyển số tiền 48.800.000 đồng vào tài khoản số 0108224084 mang tên Nguyễn Tấn H mở tại Ngân hàng Đ2. Ngày 21/8/2019, H về Thành phố Hồ Chí Minh rút số tiền 48.800.000 đồng này và sử dụng 4.630.000 đồng để chuộc 02 chiếc điện thoại của C và T đang cầm cố, trả 20.000.000 đồng cho chủ nợ ở C (chưa xác định được lai lịch), đổi 23.300.000 đồng thành 1.000 USD rồi đưa cho D 500 USD để trả tiền khách sạn và chi phí ăn uống trong quá trình giữ anh D1, số tiền còn lại thì H giữ. Sau khi nhận được tiền, D đã nhiều lần bảo T tiếp tục gọi điện về gia đình anh D1 để uy hiếp đòi nốt số tiền 550.000.000 đồng.

Về phía Phòng C4 Công an tỉnh H sau khi nhận đơn của chị Nguyễn Thị Á đã phối hợp Cục C5 Bộ C6, đại diện Cảnh sát Việt Nam tại Vương quốc Campuchia đề nghị Cảnh sát Vương quốc Campuchia phối hợp giải cứu anh D1. Ngày 22/8/2019, Cảnh sát Việt Nam phối hợp Cảnh sát Vương quốc Campuchia đã giải cứu được anh D1 và giữ các đối tượng Bùi Thị D, Nguyễn Tấn H, Bùi Thanh T, Trần Viết C, sau đó di lý tất cả về Cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh. Ngày 23/8/2019, tại Đồn Biên phòng Cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh, đại diện Cảnh sát Việt Nam tại V Campuchia đã bàn giao anh D1 và các đối tượng trên cho Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an và Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Nam để giải quyết.

Quá trình điều tra đến nay, xác định địa điểm xảy ra tội phạm ở nước ngoài (V Campuchia). Bản thân bị can Nguyễn Tấn H là người rủ rê lôi kéo anh D1 sang Vương quốc Campuchia đánh bạc và tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò chủ mưu. Trước khi bị bắt, H có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã A, huyện C và cư trú tại số D đường X, ấp X, xã X, huyện H; Bùi Thanh T có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện H; T có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C; Bùi Thị D, mặc dù có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương xác định D đã đi khỏi địa phương 10 năm và D không có nơi ở tại tỉnh Bến Tre. Ngày 28/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã ra Quyết định chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Tấn H, Bùi Thị D, Bùi Thanh T, Trần Viết C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, Văn Thanh Đ khai nhận bản thân làm dịch vụ chuyển tiền, không biết số tiền 50.000.000 đồng chuyển cho Nguyễn Tấn H có liên quan đến vụ án “Cưỡng đoạt tài sản” và tự nguyện giao nộp lại số tiền 1.200.000 đồng là phí dịch vụ đã thu của Nguyễn Tấn H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã trưng cầu giám định âm thanh để xác định giọng nói yêu cầu gia đình bị hại chuyển tiền.

Tại kết luận giám định số 1489/C09B ngày 19/3/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file âm thanh mẫu cần giám định.

+ Tiếng nói của người nam (nói giọng miền nam) trong các file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Bùi Thanh T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Tại kết luận giám định số 4831 ngày 09/11/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: nội dung hội thoại trong các file âm thanh mẫu cần giám định đã được giám định và chuyển thành văn bản (kèm theo bản dịch nội dung). Tại bản dịch, ký hiệu “T” là nội dung tiếng nói của Bùi Thanh T được xác định qua giám định tiếng nói theo kết luận giám định số 1489 ngày 19/3/2020.

Theo Cáo trạng số 159/CT-VKS-P2 ngày 18/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo: Nguyễn Tấn H, Bùi Thị D, Bùi Thanh T, Trần Viết C về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng đã thể hiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm luận tội:

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; tuyên phạt các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn H: từ 10 năm đến 12 năm tù.
2. Bùi Thị D: từ 08 năm đến 09 năm tù.
3. Bùi Thanh T: từ 09 năm đến 10 năm tù.
4. Trần Viết C: từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Nguyễn Trung C1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Bùi Thị D đồng ý với tội danh và khung hình phạt truy tố các bị cáo. Luật sư cũng cho rằng xét về tính nguy hiểm của hành vi của các bị cáo thì có phần hạn chế vì các bị cáo yêu cầu bị hại đưa số tiền 600.000.000 đồng, nhưng chỉ mới nhận được số tiền 50.000.000 đồng; khi giữ anh Nguyễn Quang D1 tại khách sạn thì các bị cáo không dùng vũ lực mà chỉ tạo dựng vết thương giả trên người anh D1 để chụp hình và gửi cho người nhà anh D1 đòi tiền chuộc. Đồng thời Luật sư cũng nêu lên các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là: gia đình các bị cáo quá khó khăn, không có khả năng giúp các bị cáo khắc phục hậu quả, các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó Luật sư đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H và bị cáo D mức án thấp hơn mức đề nghị của Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

- Luật sư Trần Thị Huy C2 bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh T và bị cáo Trần Viết C cũng đồng ý tội danh, khung hình phạt và các tình tiết mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Luật sư chỉ nêu về các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo, đó là: hai bị cáo là người giúp sức, toàn bộ giao dịch nhận tiền thì do bị cáo H thực hiện chứ bị cáo T và bị cáo C không biết, thực tế thì các bị cáo chỉ mới nhận số tiền 50.000.000 đồng; đồng thời các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha bị cáo C chết sớm, một mình mẹ bị cáo phải nuôi 02 anh em bị cáo. Từ đó, Luật sư Huy C2 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để cho các bị cáo hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

- Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm luận tội và mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo.

Tại phần lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình **điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Theo lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Thông qua mạng xã hội Facebook, anh Nguyễn Quang D1 quen biết với Nguyễn Tân H và biết H có thể giúp anh D1 vay tiền để đánh bạc tại Casino ở V Campuchia. Ngày 14/8/2019, anh D1 đi từ tỉnh Hà Nam đến cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh và ngày 16/8/2019 đã liên lạc với H, rồi H liên lạc với Bùi Thị D thông báo về việc anh D1 muốn sang Vương quốc Campuchia đánh bạc. H bảo D liên hệ với Trần Viết C, dặn C và D đón anh D1 tại cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh để đưa anh D1 sang V Campuchia. Sau đó, H gọi điện thoại cho Bùi Thanh T kêu T lên Casino N (Thành phố P, V Campuchia) với mục đích sau khi anh D1 đánh bạc thua hết tiền sẽ đưa anh D1 về khách sạn, giữ anh D1 lại để đòi tiền chuộc của người nhà anh D1.

Tại Casino N, Huỳnh Thị B đã đưa cho anh D1 500 phỉnh (tương đương 500 USD) để anh D1 đánh bạc, nhưng sau đó B đổi ý không cho anh D1 vay tiền và

đã lấy lại 500 phỉnh từ anh D1. Khi anh D1 không có phỉnh để đánh thì H đã cung cấp cho anh D1 500 phỉnh khác (tương đương 500 USD). Sau khi anh D1 đánh bạc thua hết 500 phỉnh tại sòng bài Naga, H, D, T đưa anh D1 về khách sạn ở V Campuchia để giữ anh D1, còn C đã có mặt tại khách sạn từ trước. Tại đây, Nguyễn Tấn H, Bùi Thị D, Bùi Thanh T, Trần Viết C đã điện thoại để uy hiếp tinh thần chị Nguyễn Thị Á (là vợ của anh D1), chị Nguyễn Thị H6 (là em gái anh D1) và bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ ruột của anh D1), yêu cầu chuyển số tiền 600.000.000 đồng, nếu không thì sẽ đánh đập anh D1 và bán sang Thái Lan lấy nội tạng. Ngoài ra, D cùng T, C, H dùng bông, gạc, thuốc đỏ, son, bút chì kẻ lông mày tạo vết thương giả trên mặt, trên người anh D1 rồi dùng điện thoại của anh D1 chụp ảnh và dùng nick Zalo của anh D1 gửi hình ảnh này cho chị Á. Vì lo sợ nếu không chuyển tiền thì anh D1 sẽ bị đánh đập nên ngày 20/8/2019, chị Á đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 060093881438 mang tên Văn Thanh Đ mở tại ngân hàng S1, theo sự hướng dẫn của T. Khi tiền vào tài khoản, Đ lấy phí chuyển tiền là 1.200.000 đồng và chuyển số tiền 48.800.000 đồng vào tài khoản mang tên Nguyễn Tấn H mở tại Ngân hàng Đ2. Sau đó, H về Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ số tiền và chia nhau sử dụng. Sau khi nhận được tiền, D đã nhiều lần bảo T tiếp tục gọi điện về gia đình anh D1 để uy hiếp đòi nốt số tiền 550.000.000 đồng.

Về phía chị Nguyễn Thị Á đã làm đơn trình báo đến cơ quan công an tỉnh Hà Nam, thì đến ngày 22/8/2019, Cảnh sát Việt Nam phối hợp Cảnh sát Vương quốc Campuchia đã giải cứu được anh D1 và bắt giữ H, D, T, C và di lý tất cả về Cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh, bàn giao cho Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an và Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Nam để giải quyết.

Với các hành vi nêu trên thì đã hoàn toàn đủ cơ sở kết luận các bị cáo: Bùi Thị D, Nguyễn Tấn H, Bùi Thanh T, Trần Viết C phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này các bị cáo đã có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần để nhằm cưỡng đoạt tài sản với số tiền 600.000.000 đồng và đây là tội phạm có cấu thành hình thức nên các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy vậy, trong số tiền 600.000.000 đồng nêu trên thì các bị cáo thực tế chỉ mới chiếm đoạt được 50.000.000 đồng, số tiền 550.000.000 đồng chưa chiếm đoạt được là do ngoài ý muốn của các bị cáo. Do đó các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” thuộc trường hợp chưa đạt nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình đối với các bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần của người bị cưỡng đoạt, gây mất trật tự trị an của xã hội nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét

đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Về vai trò của các bị cáo: trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Tấn H trực tiếp liên lạc với bị hại, sắp xếp, phân công nhiệm vụ cho các bị cáo còn lại, bị cáo trực tiếp mua phỉnh đưa cho bị cáo T để bị cáo T đưa cho anh D1, sau đó chính bị cáo H là người về Thành phố Hồ Chí Minh rút tiền, do đó bị cáo H là người thực hành, cầm đầu nên có vai trò cao nhất. Đối với các bị cáo: Dạng, T, C đều là người giúp sức nên có vai trò gần tương đương nhau, trong đó bị cáo D có vai trò cao hơn bị cáo T, còn bị cáo T vai trò có phần cao hơn bị cáo C.

Về tình tiết tăng nặng: trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tổ chức, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo có thành khẩn khai báo; thái độ ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 cần áp dụng cho các bị cáo. Ngoài ra, tất cả các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp; bị cáo D có cha ruột là ông Bùi Văn M được Chủ tịch Nước tặng Huân chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Đối với Văn Thanh Đ có hành vi nhận tiền từ gia đình anh Nguyễn Quang D1 và chuyển tiền cho Nguyễn Tấn H nhưng Đ không biết số tiền này là tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý nên Tòa án không xem xét.

Đối với Huỳnh Thị B, Lý Hào H7 thì quá trình điều tra không có cơ sở để xác định các đối tượng này là đồng phạm với các bị cáo trong vụ án này, Cơ quan điều tra không xử lý nên Tòa án không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong vụ án này các bị cáo đã gọi điện thoại để uy hiếp bà Nguyễn Thị Ǻ, Nguyễn Thị H6 và bà Nguyễn Thị T1 nhằm chiếm đoạt tài sản, nhưng chỉ có bà Nguyễn Thị Ǻ (vợ anh D1) là người bị uy hiếp và đồng ý chuyển tiền cho các bị cáo nên xác định bà Ǻ là bị hại trong vụ án. Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà bà Ǻ đã chuyển cho các bị cáo, nay cần buộc các bị cáo phải bồi hoàn lại cho bà Ǻ đủ số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong số tiền này thì ông Văn Thanh Đ đã tự nguyện nộp lại 1.200.000 đồng vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó cần buộc các bị cáo H, D, T và C phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 48.800.000 đồng và trích số tiền 1.200.000 đồng có trong tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ǻ.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Quang D1 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S thu giữ từ anh Nguyễn Quang D1 là tài sản riêng của anh D1 nên trả lại, nhưng do anh D1 đã chết (ngày 14/12/2019) nên trả lại cho người đại diện hợp pháp của anh D1 là bà Nguyễn Thị Ấ (vợ của anh D1).

- Đối với 01 hộ chiếu; 01 giấy Căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tấn H là giấy tờ cá nhân của H nên trả lại cho Nguyễn Tấn H.

- Đối với 01 hộ chiếu và 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị D là giấy tờ cá nhân của Bùi Thị D nên trả lại cho D.

- Đối với 01 giấy Chứng minh nhân dân và 01 giấy thông hành mang tên Bùi Thanh T là giấy tờ cá nhân của Bùi Thanh T nên trả lại cho T.

- Đối với 01 giấy Chứng minh nhân dân và 01 giấy thông hành mang tên Trần Viết C là giấy tờ cá nhân của Trần Viết C nên trả lại cho C.

- Đối với các điện thoại thu giữ của các bị cáo là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 USB màu đen nhãn hiệu Apacer, lưu 38 file ghi âm và 01 đĩa DVD, trên mặt đĩa ghi “Nguyễn Tuấn T3 – PC02, Bùi Thanh T – 19/02/2020” do Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ: xét thấy đây là chứng cứ của vụ án nên cần chuyển trở lại để lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Tấn H** 10 (mười) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2019.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Bùi Thị D** 08 (tám) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2019.

3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Trần Thanh T4** 08 (tám) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2019.

4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Bùi Viết C** 07 (bảy) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2019.

5. Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trích số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) có trong tài khoản số 3949.0.9059775.00000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước Q để trả lại cho bà Nguyễn Thị Á. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Nguyễn Tấn H, Bùi Thị D, Bùi Thanh T, Trần Viết C phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Á số tiền 48.800.000 đồng (bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Á:

+ 01 (một) hộ chiếu mang tên Nguyễn Quang D1;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A3S, model CPH1805 màu tím đen, đã qua sử dụng (thực nhận 01 điện thoại Oppo model CPH1805, màu đen, đã qua sử dụng);

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với các tài sản sau đây:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20 màu đen đỏ, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Camfone C330 màu xanh, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia HMD Oy, đã qua sử dụng (pin phụ);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S3 màu đen, đã qua sử dụng (thực nhận 01 điện thoại Samsung màu đen, số imei: ..5421/0);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 màu đen đã qua sử dụng (thực nhận 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen đã qua sử dụng).

- Chuyển trở lại lưu theo hồ sơ vụ án đối với:

+ 01 (một) cái USB màu đen nhãn hiệu Apacer;

+ 01 (một) cái đĩa DVD màu vàng, hiệu Maxell, trên mặt đĩa ghi “Nguyễn Tuấn T3 – PC02, Bùi Thanh T – 19/02/2020”. Tất cả được niêm phong trong bì thư màu trắng, có đóng dấu của phân viện Khoa học hình sự Bộ C6 tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng chữ ký ghi tên Nguyễn Tuấn T3 và Chiêm Minh T5.

(Các tang vật và số tiền nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang, tài vật số NK2021/327 ngày 28/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền ngày 18/01/2021 của Ngân hàng TMCP C7, Chi nhánh A1, Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải nộp 610.000 đồng (sáu trăm mười nghìn đồng).

7. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (4)
- Bị cáo; (4)
- Bị hại; (1)
- Người có QL, NVLQ; (2)
- Người bào chữa; (2)
- THAHS; (2)
- P. PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng

- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (32) (5)